

Số: 05/2020/QĐST-DS

Bắc Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

+ **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, Sinh 1956

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:**

1. Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1954

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Ong Thế C, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Đỗ Thanh B, bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Trần Thị T và ông Ong Thế Csố tiền 312.312.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng), trong đó số tiền gốc là 220.000.000 đồng và 92.312.000 đồng tiền lãi, thời gian trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 30/8/2020 (Dương lịch) trả 100.000.000 đồng tiền gốc;
- Ngày 30/12/2020 (Dương lịch) trả 120.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 30/6/2021 (Dương lịch) trả 92.312.000 đồng tiền lãi và tiền lãi phát sinh

2.2. Trường hợp ông B, bà D vi phạm bất cứ kỳ hạn trả nợ nào thì bà T và ông Công được quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

2.3. Về án phí: Bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị D, ông Đỗ Thanh B được miễn án phí DSST

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ khi bà T và ông C là bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông B, bà D là bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bà T và ông C số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS huyện Y;
- VKS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Ngô Thị Thanh Hảo**